

Số: 25 /2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai thống nhất chủ trương ban hành Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 269/TTr-SKHĐT ngày 22 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long

Khánh, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
 - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, KTNS.
- Tram.KT (40b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



ĐỀ ÁN

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 25 /2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Văn bản số 4055/BKHĐT-PTDN ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc khung hướng dẫn xây dựng đề án hỗ trợ DNNVV và đề xuất nội dung hỗ trợ DNNVV giai đoạn 2021-2025;
- Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai thống nhất chủ trương ban hành Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Thực trạng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Lũy kế từ năm 1991 đến ngày 15/12/2020 có 55.810 đơn vị dân doanh đăng ký kinh doanh trong toàn tỉnh trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia gồm 41.322 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp phục vụ cho đời sống hàng ngày của người dân Đồng Nai nói riêng và của cả nước nói chung, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tạo ra của cải ngày càng nhiều cho xã hội đóng góp ngày càng lớn cho ngân sách và là những thành viên tích cực tham gia vào sự nghiệp đổi mới và hội nhập của đất nước. Các DNNVV hoạt động ở hầu hết các ngành kinh tế, xã hội, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, duy trì và phát triển làng nghề ở ngoại thành, góp phần

thúc đẩy các ngành nghề mà trước đây chỉ khối doanh nghiệp nhà nước kinh doanh như ngân hàng, tài chính, chứng khoán, dược phẩm, khám chữa bệnh.

Bên cạnh những mặt đạt được, cộng đồng DNNVV trên địa bàn tỉnh còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, bắt nguồn từ các hạn chế sau: (1) Yếu về nguồn lực và tiếp cận nguồn vốn; (2) Năng lực quản lý, quản trị doanh nghiệp, kiến thức pháp lý yếu; (3) Năng lực kết nối thị trường, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp còn yếu; (4) Hạn chế trong nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ, chưa mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; (5) Thiếu thông tin hội nhập; (6) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa còn phân tán do nhiều cơ quan chủ trì thực hiện ở các sở, ngành, lĩnh vực khác nhau.

Do đó, để khắc phục những khó khăn của và đẩy mạnh hỗ trợ để DNNVV phát triển trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025; việc ban hành Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết để triển khai chủ trương, chính sách hỗ trợ DNNVV của Chính phủ và các bộ, ngành, cũng như đẩy mạnh sự phát triển của nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa để góp phần phát triển kinh tế của tỉnh Đồng Nai.

II. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV, các nghị định của Chính phủ nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh cho DNNVV trên địa bàn tỉnh.

Tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch để thúc đẩy DNNVV phát triển về số lượng, chất lượng; huy động và phát huy nội lực vào phát triển kinh tế xã hội, góp phần vào tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách và tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội như: Tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo, an sinh xã hội, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

Số lượng DNNVV thành lập mới trong giai đoạn là 26.540 doanh nghiệp (tỷ lệ phát triển bình quân 9%/năm).

Số lượng việc làm tạo ra trên địa bàn tỉnh khi doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp trong giai đoạn là 265.400 lao động.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1. Đối tượng áp dụng

a) Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện và thành phố và các hiệp hội, tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và

vừa theo Điều 6, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Các hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có tiềm năng phát triển chuyển đổi thành doanh nghiệp.

2. Phạm vi hỗ trợ

a) Phạm vi về thời gian: Từ ngày Đề án có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2025.

b) Phạm vi về không gian: Các DNNVV thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Trong cùng một thời điểm, nếu có nhiều chính sách ưu đãi và hỗ trợ từ Nhà nước với cùng nội dung và đối tượng hỗ trợ thì đối tượng hỗ trợ được lựa chọn áp dụng chính sách, mức ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

b) Trường hợp đối tượng hỗ trợ thực hiện nhiều nội dung khác nhau của chính sách thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung nếu đủ các điều kiện.

c) Các nguyên tắc hỗ trợ khác thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

IV. NỘI DUNG HỖ TRỢ

A. Nhóm chính sách hỗ trợ chung

1. Hỗ trợ lãi suất cho vay

Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế và các ưu đãi về hỗ trợ tài chính theo quy định.

a) Hoạt động hỗ trợ:

Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế. Đối tượng hỗ trợ: 5 nhóm đối tượng lĩnh vực và ngành kinh tế ưu tiên (Lĩnh vực phát triển nông nghiệp nông thôn, lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu, phục vụ sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao).

b) Định mức hỗ trợ: theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước

ngoài đối với khách hàng và các Quyết định điều hành lãi suất với mức lãi suất theo từng thời kỳ do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

c) Doanh số cho vay: Ước doanh số cho vay trong giai đoạn 2021 – 2025 là khoảng 120.000 tỷ đồng.

d) Đơn vị đầu mối thực hiện: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai chủ trì chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

2. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV

a) Đào tạo về quản trị doanh nghiệp

- Hoạt động hỗ trợ:

Khóa đào tạo khởi sự kinh doanh cung cấp kiến thức, kinh nghiệm cơ bản về khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp.

Khóa đào tạo quản trị kinh doanh và quản trị kinh doanh chuyên sâu cung cấp kiến thức về quản trị kinh doanh nhằm nâng cao kỹ năng vận hành, quản lý doanh nghiệp, trình độ quản trị sản xuất, kinh doanh.

Khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất, chế biến cung cấp kiến thức quản trị sản xuất chuyên sâu, huấn luyện thực tiễn tại hiện trường doanh nghiệp.

Chương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo qua phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp kiến thức khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn cho DNNVV phương án sản xuất kinh doanh khả thi, tăng cường năng lực quản trị, kỹ năng quản lý, minh bạch hóa tài chính để nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng cho DNNVV.

- Định mức hỗ trợ:

Hỗ trợ kinh phí để triển khai các chương trình đào tạo theo Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho các DNNVV và Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV.

Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong tổng chi phí tổ chức một khóa đào tạo khởi sự kinh doanh là 100%, quản trị doanh nghiệp cơ bản là 70% và quản trị doanh nghiệp chuyên sâu là 50% (thực hiện theo quy định tại tiết i điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 49/2019/TT-BTC), phần kinh phí còn lại do học viên hoặc các nguồn ngoài ngân sách đóng góp.

Học viên của DNNVV do nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, thực hiện theo hình thức ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua đơn vị đào tạo (Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 49/2019/TT-BTC).

- Đơn vị đầu mối thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Dự kiến kinh phí giai đoạn năm 2021 - 2025: 800 triệu (Dự kiến kinh phí cho 01 khóa đào tạo khoảng 40 triệu cho tối thiểu 30 học viên/lớp; tổ chức 04 khóa đào tạo/năm).

b) Hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DNNVV

- Hoạt động hỗ trợ:

Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đối tượng áp dụng: Lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều kiện đối với lao động được hỗ trợ đào tạo nghề: Đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục; Không quá 50 tuổi đối với nam, 45 tuổi đối với nữ.

Ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề đối với người lao động thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh và người lao động làm việc trong các doanh nghiệp hoạt động ở các địa bàn nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các doanh nghiệp do nữ làm chủ.

Ngành nghề được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo dưới 3 tháng do doanh nghiệp lựa chọn, xác định trên cơ sở ngành, nghề đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và có trong danh mục ngành nghề được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

- Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí đào tạo và các chi phí khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Kinh phí dự kiến cho giai đoạn năm 2021 - 2025: 500 triệu đồng (Trung bình 100 triệu/năm).

3. Hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- a) Hoạt động hỗ trợ:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP

ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, Thông tư số 54/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên”.

b) Định mức hỗ trợ:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên (nhưng không bao gồm tư vấn về thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

- Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 03 triệu đồng một năm;

- Doanh nghiệp nhỏ được giảm 30% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 05 triệu đồng một năm;

- Doanh nghiệp vừa được giảm 10% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 10 triệu đồng một năm;

c) Đơn vị đầu mối thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư

d) Kinh phí dự kiến cho giai đoạn năm 2021-2025: 4.500 triệu đồng (Trung bình 900 triệu đồng/năm; tình hình hỗ trợ thực tế phụ thuộc vào nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp).

4. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế

a) Hoạt động hỗ trợ:

Người nộp thuế có quyền được cơ quan thuế hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; được cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế của Quốc hội. Cơ quan thuế có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về thuế cho người nộp thuế và công khai các thủ tục hành chính về thuế để người nộp thuế được biết và triển khai thực hiện.

Việc tư vấn, hướng dẫn về chính sách thuế, về thủ tục hành chính thuế cho người nộp thuế luôn được cơ quan thuế các cấp thực hiện thường xuyên, đa dạng hình thức (thông qua trả lời văn bản, trả lời qua điện thoại, tư vấn trực tiếp tại cơ quan thuế, trả lời vướng mắc người dân qua Tổng đài 1022, qua Hệ thống dịch vụ Thuế điện tử eTax,...) và miễn phí cho mọi đối tượng nộp thuế, không phân biệt thành phần kinh tế.

b) Đơn vị đầu mối thực hiện: Cục Thuế tỉnh.

5. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Hoạt động hỗ trợ:

Cung cấp thông tin pháp luật trong nước, thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế, cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực của tỉnh có liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Thiết lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người quản lý, cán bộ pháp chế doanh nghiệp nhỏ và vừa, cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý, mạng lưới tư vấn viên pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Đơn vị đầu mối thực hiện: Sở Tư pháp.

B. Nhóm chính sách hỗ trợ trọng tâm cho DNNVV

1. Hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh

a) Hoạt động hỗ trợ

Tư vấn, hướng dẫn miễn phí hồ sơ, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu.

b) Định mức hỗ trợ

DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh đáp ứng điều kiện về hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại cơ quan đăng ký kinh doanh; miễn phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh có thời gian hoạt động tối thiểu 01 năm trước khi chuyển đổi được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn phí thẩm định, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Tư vấn, hướng dẫn miễn phí hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (không bao gồm việc miễn phí, lệ phí phải nộp theo quy định của nhà nước).

c) Đơn vị đầu mối thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư

d) Dự kiến kinh phí thực hiện cho giai đoạn từ năm 2021 - 2025: 3.393 triệu đồng.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

a) Hoạt động hỗ trợ:

- Đối tượng hỗ trợ: Các DNNVV sản xuất, chế biến được lựa chọn theo quy định tại Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến (có tiềm năng tham gia hoặc đã tham gia trong cụm liên kết, chuỗi giá trị; tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành; có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị) được lựa chọn tham gia Chương trình theo một trong các phương thức quy định tại Điều 23 của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

- Nội dung hỗ trợ bao gồm:

+ Hỗ trợ 50% chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt tại hiện trường nhưng không quá 30 triệu đồng trên 01 khóa đào tạo cho một doanh nghiệp và không quá 01 khóa đào tạo trên năm.

+ Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh:

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thúc đẩy liên kết trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng các dự án liên kết kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa.

+ Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường:

Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế; được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước;

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh;

Hỗ trợ 100% chi phí hợp đồng tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành nhưng không quá 20 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm.

+ Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng:

Cung cấp thông tin miễn phí về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở;

Giảm 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; giảm 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; giảm 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên 01 lần thử và không quá 01 lần trên năm;

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp tự tổ chức đo lường.

+ Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng:

Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Hỗ trợ sử dụng các phòng thử nghiệm về chất lượng hàng hóa của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

Giảm 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng trên 01 lần thử và không quá 01 lần trên năm;

Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng đặt hàng các cơ sở viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng trên 01 lần và không quá 01 lần trên năm.

b) Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Công Thương làm đầu mối triển khai thực hiện theo quy định.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh, dự kiến bố trí từ nguồn vốn chi sự nghiệp hàng năm:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2021 - 2025
1.	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực	1.300
2.	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	4.500
3.	Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp và doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh	3.393
	Tổng	9.193

Tổng kinh phí nêu trên chưa bao gồm các hoạt động hỗ trợ pháp lý và hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

2. Nguồn vốn cho vay của các tổ chức tín dụng đối với chính sách ưu đãi lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nội dung hỗ trợ	Giai đoạn 2021 - 2025
1.	Hỗ trợ lãi suất cho vay (Doanh số cho vay)	120.000.000

VI. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO

1. Giải pháp quản lý, giám sát và đánh giá thực hiện Đề án

a) Công tác quản lý, giám sát và đánh giá thực hiện Đề án thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp lý hiện hành.

b) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa phối hợp quản lý, giám sát và đánh giá thực hiện Đề án.

c) Thủ trưởng các đơn vị đầu mối thực hiện các nội dung hỗ trợ căn cứ điều kiện cụ thể cơ quan giao trách nhiệm tham mưu công tác điều hành, quản lý, giám sát và đánh giá thực hiện các nhiệm vụ của Đề án được phân công cho đơn vị trực thuộc.

2. Cơ chế báo cáo, tổng kết Đề án

a) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6), cả năm (trước ngày 31/11) các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Thực hiện sơ kết giữa giai đoạn và tổng kết 5 năm thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2025;

c) Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư - cơ quan chủ trì đề án

a) Căn cứ Đề án được duyệt, chủ trì phối hợp với các đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch triển khai đề án báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra và có hiệu quả.

b) Điều phối và hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương có liên quan trong việc tổ chức thực hiện và phối hợp thực hiện Đề án.

c) Xây dựng cơ chế báo cáo, giám sát đánh giá hiệu quả thực hiện đề án; Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Đề án của các cơ quan đầu mối và đối tượng thụ hưởng của Đề án; Tổng hợp số liệu, định kỳ hàng năm báo cáo cơ quan có thẩm quyền và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình triển khai Đề án theo quy định.

d) Thực hiện công khai thông tin hỗ trợ DNNVV theo quy định. Tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan về tình hình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của địa phương.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan đề xuất các khuyến nghị điều chỉnh chính sách, giải pháp tổ chức thực hiện Đề án phù hợp tình hình thực tế.

2. Nhiệm vụ của các cơ quan đầu mối thực hiện:

a) Chủ trì xây dựng quy trình triển khai các nhiệm vụ được giao trong Đề án bao gồm: Trình tự, thủ tục đề doanh nghiệp nộp hồ sơ tham gia, quy trình lựa chọn, quy trình công bố các nội dung doanh nghiệp được nhận hỗ trợ, trình tự thủ tục nhận hỗ trợ, cơ chế điều phối các bên liên quan trong thực hiện nội dung hỗ trợ do đơn vị chủ trì theo đúng quy định, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện; làm đầu mối hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ do đơn vị chủ trì. Cụ thể như sau:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì xây dựng quy trình, thủ tục hỗ trợ đào tạo về quản trị doanh nghiệp; hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên, Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

- Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh tỉnh: Chủ trì triển khai các nội dung hỗ trợ lãi suất cho vay

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì xây dựng quy trình, thủ tục hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Cục Thuế tỉnh: Chủ trì triển khai hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế

- Sở Tư pháp: Chủ trì triển khai các nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Sở Công Thương: Chủ trì xây dựng quy trình, thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ hỗ trợ; tổng hợp, báo cáo, giám sát và đánh giá việc thực hiện các nội dung hỗ trợ thuộc lĩnh vực quản lý; định kỳ 6 tháng, 1 năm báo cáo tình hình thực hiện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công tác phối hợp và tổ chức thực hiện

a) UBND tỉnh phân công 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc Giám đốc các Sở, Trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo chất lượng và có hiệu quả.

b) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì Đề án, thực hiện các nhiệm vụ được giao và phối hợp với các đơn vị đầu mối triển khai thực hiện đảm bảo theo nội dung Đề án.

c) Giao các đơn vị đầu mối thực hiện các nhiệm vụ của đề án chủ động đề xuất chương trình kế hoạch triển khai đề án đạt hiệu quả.

d) Giao các Sở, ban, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ trì, các đơn vị đầu mối để triển khai thực hiện Đề án.

đ) Giao Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo chí, truyền hình phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban, ngành và chính quyền, đoàn thể các cấp tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung Đề án này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh; thường xuyên cập nhật, đưa tin về tình hình và kết quả triển khai thực hiện Đề án.

e) Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan, tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; cân đối, bố trí ngân sách có điều chỉnh phù hợp trong dự toán chi hàng năm.

4. Trong trường hợp các văn bản pháp luật được viện dẫn tại Đề án được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các Văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổng hợp ý kiến gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản, để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét chỉ đạo./.